

TẬP QUÁN VÀ NGHI LỄ SINH ĐẸ CỦA NGƯỜI VIỆT

TỔ DÂN PHỐ NHÂN MỸ, PHƯỜNG MỸ ĐÌNH 1, NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI

LÊ THỊ HƯƠNG HUỆ

1. Tập quán và nghi lễ sinh đẻ truyền thống

Cầu tự

Nếu vợ chồng nào đó lấy nhau đã lâu mà chưa có con hoặc có sinh nhưng không nuôi được thì họ phải cất công tìm tới những nơi linh thiêng như đền, phủ, chùa để cầu thần, phật, mẫu phù hộ, ban con cho họ. Người dân ở Nhân Mỹ hay đến cầu tự ở chùa Trấn Quốc, Thiên Niên, Tĩnh Lâu, Mật Dung, đền Quán Thánh, phủ Tây Hồ hoặc miếu Ba Cô. Có người còn đi xa hơn như chùa Hương Tích (Hà Nội), chùa Yên Tử (Quảng Ninh), Phủ Dầy (Nam Định), đền Kiếp Bạc (Hải Dương)... những địa điểm linh ứng trong cầu tự. Người ta phải biện lễ vật như cau trầu, hương hoa, xôi gà, oản chuối, bánh trái, cầu tự ở chùa thì phải dùng cỗ chay. Các bà thấp hương, bày lễ rồi khấn vái thần, phật, mẫu ban cho một đứa con. Cầu xong, ngay trên đường về, các bà phải xem như đã có đứa trẻ đi theo, tiền đồ xe cũng phải trả thêm một xuất. Lúc về đến ngõ, người nhà phải ra đón và phải sắm sửa đồ chơi, quần áo cho nó. Trong mỗi bữa ăn đều dọn thừa một cái bát và một đôi đũa, khi ăn đều mời. Đối với đứa con cầu tự thì hàng năm đều phải đưa con về đền, chùa, phủ, nơi đã cầu tự để lễ tạ. Những người không có con phải đi cầu tự đã đành, nhưng cũng có người chưa có con trai phải đi cầu tự để xin đứa con trai nối dõi tông đường. Những đứa con cầu tự thường được cha mẹ, dòng họ nuông chiều vì họ cho rằng đây là con của thần, thánh, phật, trời. Nếu nuôi dưỡng không đến nơi đến chốn, đối xử bạc bẽo thì lại bị lấy đi mất.

Thai nghén

Nhiều người cho rằng, khi có thai, hành động, ngôn ngữ của người mang bầu có ảnh

hưởng đến thai nhi, nên phải cẩn trọng, chẳng hạn: không chứng kiến cảnh bi hùng, rùng rợn, chết chóc, cháy nhà; không dùng lời thô tục, nói năng nhẹ nhàng; không tự gây căng thẳng trong đầu; vận động, đi lại đều đặn, nhẹ nhàng, uyển chuyển... Những người bụng mang dạ chửa không tuân theo những tập quán, nghi lễ này thì nhất định bị các ông chồng, người thân trong gia đình quở mắng, khi sinh đẻ có gặp những khó khăn, trắc trở thì khó trách được ai. Do đó, người mang thai sẽ tự nguyện thực hiện tập quán, nghi lễ ấy, dù có lúc nào đó người ngoài không nhận thấy được do sự tế nhị, kín đáo của họ. Đặc biệt là phụ nữ có thai không được bước qua dây thừng buộc trâu vì dân gian quan niệm rằng sẽ chửa trâu; kiêng các thức ăn tanh, có nhớt vì sợ con sau này nhiều rớt dãi; không được sát sinh, không ăn quả đôi vì sợ sinh đôi... Và trước đây, khi sắp đến ngày sinh nở, người mẹ thường tìm chọn một vài chiếc quần áo cũ của người lớn để cắt may quần áo sơ sinh hoặc xin quần áo sơ sinh cũ của những đứa trẻ hay ăn chóng lớn để lấy phước.

Sinh đẻ

Trước đây, nếu sản phụ đẻ con so thì phải về nhà cha mẹ đẻ để sinh, đẻ con rạ thì đẻ ở nhà chồng. Xưa kia chưa có bệnh viện, nhà hộ sinh, chưa có người biết phẫu thuật, nên người ta đã sử dụng mọi phương thuật dân gian để may ra mẹ tròn con vuông. Đối với trường hợp chửa trên 9 tháng 10 ngày mà chưa đau đẻ, hoặc có chuyển dạ nhưng khó đẻ thì người chồng bí mật cắt đứt đoạn dây thừng buộc mũi trâu hoặc đóng một cọc ở chân cối giã gạo trong nhà, có khi phải lội xuống ao, chui qua gầm cầu ao 3 lần,

rồi treo lên nóc nhà để cho vợ dễ đẻ. Khi sinh con, sản phụ và gia đình thường chọn những bà đỡ mát tay để việc nuôi con được dễ dàng. Trước đây, khi đứa trẻ ra đời, bà đỡ thường lấy cát nứa hoặc mảnh chai, mảnh sành cắt rốn, tránh dùng kim loại vào người đứa bé vì sợ sai đẹn. Sau khi cắt rốn, bà đỡ thường dùng hòn gạch đã nướng nóng ép vào bụng sản phụ để lấy rau thai. Sản phụ nằm trong buồng tối, kín gió, mùa đông có khi nằm trên giường trải rơm gọi là ổ hoặc đặt dưới gầm giường một nồi than hồng. Trong thời kỳ này, chỉ có bà đỡ được ra vào, sản phụ chỉ được ăn cơm với nước mắm chưng hoặc muối rang, sườn băm rang cho đến ngày đầy cữ.

Đối với gia đình hiếm muộn, để được đứa trẻ sợ khó nuôi thì làm giấy sớ và sắm lễ bán trẻ cho đền, chùa, phủ. Bố mẹ đứa trẻ nhờ thầy xem bói ở đền, chùa, phủ nào thì hợp căn tuổi đứa trẻ, sau đó làm một lễ xôi gà nhờ thầy đến cúng. Hàng tháng, cứ mừng một và rằm, gia chủ lại đem hương, hoa quả lên đền, chùa, phủ đó để lễ. Nếu đứa trẻ đã lớn hơn một tuổi thì cha, mẹ đặt nó ở ngã ba đường làng, bố trí người trong họ, trong làng ra dắt đứa trẻ về, bố mẹ nấp kín một chỗ để người đó dắt trẻ về nhà họ xong mới mang lễ vật đến tạ và chuộc lại, coi như xin họ cho làm con nuôi. Khi đứa trẻ đã đầy tháng, ở những gia đình có điều kiện, người ta làm lễ cúng mụ, gồm hương hoa, 12 đôi giày con, 1 đôi giày chúa, 12 chiếc áo chúa và bánh đa, kẹo... Một người già khăn cầu cho trẻ ngoan, hay ăn chóng lớn. Đầy năm thì làm lễ cúng tổ tiên, mời anh em, bạn hữu đến dự, gọi là lễ thôi nôi. Đứa trẻ ngủ mơ mà cười khóc thì cho là bà mụ dạy, trẻ ngã không đau thì cho là có bà mụ đỡ.

Trước đây, đứa trẻ lọt lòng chưa được đặt tên ngay, đối với con trai thường gọi là *cu*, *cò*, đối với con gái là *gái*, *hầm*. Khi đứa trẻ lớn mới đặt tên. Người ta kiêng kỵ đặt tên con cái trùng tên ông, bà, tổ tiên. Vì vậy, phải nhờ thầy nho hay chữ hay người cao tuổi trong họ đặt tên cho đứa bé. Khi đứa trẻ từ một tuổi rưỡi đến hai tuổi thì cai sữa. Người mẹ thường trốn đi vài ngày cho trẻ quên bú. Khi trẻ thay răng sữa, người nhà tự nhổ răng, nếu là răng hàm trên thì vứt xuống

gầm giường, nếu răng hàm dưới thì vứt lên mái nhà. Người ta cho rằng, làm như vậy, răng sẽ nhanh mọc, mọc đúng hàng, không bị mọc chòm ra lợi.

Khi trẻ còn nhỏ thường hay mắc bệnh sai đẹn. Trẻ đang khỏe, chơi bình thường, nếu sau khi có người lạ vào nhà mà trẻ cứ khóc nhoei lên, nóng đầu, sổ mũi thì người ta cho rằng, đứa trẻ đó bị bệnh sai do người khách kia vừa đọc, vừa không lạnh. Người nhà đứa trẻ phải lấy cái chổi cũ, đốt hơi dưới gầm giường cháu bé hoặc bế để người khác hơi lửa chổi đó qua qua lại lại, vừa hơi vừa đọc “chú” đuổi vía. Trẻ khóc về ban đêm thì gọi là *khóc dạ đề*, có khi khóc hàng mấy tháng liền. Người nhà đứa trẻ phải nhờ người ngoài họ ném cái cọc chuồng lợn vào gầm giường trẻ nằm cho khỏi khóc.

Khi nuôi trẻ nhỏ, người ta cũng kiêng kỵ rất cẩn thận. Khi bé con ra đường, người ta lấy mực hay nhọ nồi bôi lên trán đứa trẻ, đưa con cho người khác, không đưa qua bậc cửa, sợ sau này đứa trẻ sinh thói trộm cắp. Trẻ nấc thì lấy búp lá trầu không dán vào trán, trẻ bị ngứa mắt đỏ thì lấy mề non rách đốt hơi, hoặc lấy 7-9 miếng trầu, khăn ông Cầu, bà Quán. Khi trẻ lên 5-7 tuổi, người ta cạo trọc đầu, chỉ để một nhúm (lọn) tóc che thóp và hai chùm tóc hai bên đầu. Hai chùm tóc này có đuôi dài và cắt theo hình trái đào nên người ta gọi là “tóc trái đào”...

Những quan niệm và tập tục này phần lớn còn được duy trì ở tổ dân phố Nhân Mỹ. Thế hệ trước truyền cho thế hệ sau, người ta vẫn tuân theo một cách vô thức. Cho đến trước năm 1954, ở làng Nhân Mỹ không có bệnh viện, nhà hộ sinh, người phụ nữ đều sinh nở tại nhà, do các bà mụ có kinh nghiệm đỡ đẻ, cắt rốn bằng mảnh nứa mỏng sắc hoặc mảnh chai vỡ. Sau đó, bà mụ tắm cho đứa bé và quấn trẻ bằng những mảnh quần áo cũ. Khi đứa trẻ mới sinh, người ta thường chọn người đón tay nhanh nhẹn, khéo léo mong sau này đứa trẻ sẽ thông minh, nhanh nhẹn. Khi đón tay, phải lấy nhọ nồi quệt vào trán đứa trẻ tỏ ý con mình đã được đánh dấu rõ ràng, ma quỷ không dễ gì bắt được. Sau khi sinh được ba ngày, gia đình làm lễ cúng mụ 12 đôi hải, 12

miếng trầu, bánh đúc, cua ốc. Ngày đầy tháng, đầy năm (thời nôi) đều làm lễ cúng gia tiên, mở tiệc ăn mừng.

Những nhà hiếm con, sợ khó nuôi thì làm lễ bán khoán vào chùa, cho con mình làm con của Phật để tà ma kiêng sợ không dám ám ảnh, quấy nhiễu. Sinh được 100 ngày mới làm lễ bán khoán, khi trẻ được hơn 10 tuổi thì làm lễ chuộc về. Xưa người ta tin rằng đàn ông có 7 vía, đàn bà có 9 vía. Khi bị ngã, đứa trẻ có thể sợ hãi, sinh ra mất vía, lúc ngủ hay giật mình khóc lóc. Vì vậy muốn khỏi phải làm lễ chuộc vía. Tùy theo bé trai hay gái mà bỏ quả trứng gà luộc ra làm 7 hoặc 9 miếng cùng với 7 hoặc 9 nắm cơm mang hú vía đứa bé rồi cho nó ăn.

Các kiêng kỵ

Trong thời gian mang thai, đặc biệt là 3 tháng đầu, phụ nữ tránh những việc có thể ảnh hưởng tới sức khỏe sản phụ và thai nhi. Về việc ăn uống, kiêng ăn nhiều chất bổ sợ thai lớn khó sinh và phải nịt bụng để thai không lớn quá mà gây nguy hiểm khi sinh con. Sản phụ cũng phải kiêng ăn một số thức ăn vì sợ làm hư khí huyết, dễ sảy thai, ảnh hưởng và gây bệnh cho trẻ khi được sinh ra. Bên cạnh rất nhiều kiêng kỵ về việc ăn uống, người mang thai nên tránh nóng giận, buồn phiền, những cảnh khiếp sợ, thương tâm; kiêng đi dự đám tang vì sợ hơi độc và đau buồn ảnh hưởng đến thai nhi. Khi nghỉ ngơi tránh nằm ngửa sợ nhau thai bám chặt khó bóc ra khi sinh. Khi nằm tránh trẻ con leo trèo trên bụng có thể gây tổn thương cho bào thai. Sản phụ phải đi đứng khoan thai, nhẹ nhàng, không xoay vặn người. Trong quá trình mang thai, người phụ nữ phải mặc quần áo rộng rãi cho máu huyết dễ lưu thông, không mang đồ trang sức, vòng kiềng ở cổ sợ dây rốn quấn quanh cổ đứa trẻ.

Sau khi sinh, người phụ nữ vẫn phải tiếp tục kiêng cử nhiều thứ nhằm bảo vệ sức khỏe. Theo quan niệm của các cụ ngày xưa, sản phụ phải nằm trong phòng tránh gió, nằm hở lửa để ngăn khí độc, giúp da thịt săn chắc, khí huyết lưu thông. Về ăn uống, sản phụ ăn cơm với muối rang hoặc với nước mắm chưng, vài ba bữa sau khi sinh ăn thịt nạc heo rim với nước

mắm, tiêu; ăn thức ăn khô giúp huyết mạch lưu thông điều hòa, tránh bị phù thũng. Kiêng ăn trái cây chua chát, tránh ăn các chất lỏng, kiêng ăn đồ lạnh. Khi đầy cữ, sản phụ được xông bằng một số lá cây, muối và xoa mình bằng củ nghệ rồi mới ra ngoài.

Khi người ta vào nhà mà đứa trẻ khóc mãi tức là người dữ vía phải đốt vía bằng cách lên ném một que đóm cháy trước mặt người ấy hoặc đốt vía khi đi rồi. Đứa bé đêm nào cũng khóc gọi là khóc dạ đề thì nhờ người khác họ ném chiếc cọc chuồng lợn vào gầm giường đứa bé nằm. Người Việt ở làng Nhân Mỹ xưa còn có tục đồ cung long sau khi sinh. 7 ngày sau khi sinh với con trai và 9 ngày sau sinh với con gái, sản phụ cắp nón đi chợ mua một mớ trầu không nhưng không để cho người bán trầu biết mình đang đồ cung long. Sau khi đồ cung long, thai phụ sẽ cảm thấy nhẹ nhõm, nhanh khỏe mạnh và tránh được các tai họa. Còn người bán trầu bị đồ cung long cũng sẽ giảm nhẹ tai ương nếu gặp sự cố nào đó.

2. Những biến đổi trong tập quán và nghi lễ sinh đẻ

Từ năm 1954 đến nay, khi hệ thống y tế tuyến phường xã được tăng cường, phần lớn chị em phụ nữ đều sinh nở tại trạm y tế phường xã, hoặc ở bệnh viện được chăm sóc bằng phương pháp khoa học. Tuy việc sinh con, nuôi dạy trẻ có nhiều tiến bộ, song một số tục lệ hay tâm lý cũ vẫn còn tồn tại, như việc đặt hai tên cho trẻ, tục cúng mụ, làm lễ đầy tháng...; hay những kiêng kỵ trong quá trình nuôi trẻ nhỏ, tục “bán khoán” vẫn còn trong một số trường hợp.

Nhiều kiêng kỵ trước kia giờ đã có xu hướng giảm dần hoặc không còn như nằm than, kiêng tắm gội, song có một số kiêng kỵ vẫn được duy trì. Người xưa quan niệm rằng phụ nữ mang thai có thể sẽ bị nhiễm âm khí khiến cho thai nhi có thể sẽ bị ma ám, dẫn đến việc kém minh mẫn và ốm yếu sau này. Do đó, các bà bầu thường kỵ việc đi tham dự đám ma, tránh âm khí và ảnh hưởng tới tâm trạng. Sau khi sinh nở, sản phụ cần kiêng gió để tránh bị tà khí xâm nhập. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là họ phải nằm

trong một phòng đóng cửa kín mít, che chắn kỹ càng. Không khí tù đọng sẽ làm cho người phụ nữ khó thở, đã yếu lại càng yếu hơn; khiến trẻ sơ sinh hay quấy khóc, chậm lớn và dễ mắc bệnh đường hô hấp. Sau khi sinh, thậm chí bị suy nhược nên sản phụ dễ bị nhiễm lạnh. Vì vậy, không được đụng tới nước lạnh, không tắm nước lạnh, giặt quần áo hoặc uống đá lạnh...

Theo quan niệm cũ, sản phụ phải nằm một chỗ, kiêng vận động. Tuy nhiên, nếu cơ thể không vận động, máu huyết sẽ không được lưu thông, ảnh hưởng đến sức khỏe, ăn kém ngon, cơ thể lâu hồi phục. Vì thế, hiện nay, người ta khuyên sản phụ nên đi lại, vận động chút ít sau khi đẻ vài ngày để cơ thể được thoải mái, máu huyết lưu thông tốt hơn. Không nên vận động quá nhiều, làm ảnh hưởng đến sức khỏe.

Về ăn uống sau khi sinh, sản phụ cần ăn uống đủ chất để phục hồi sức khỏe. Nếu chỉ ăn cơm với nước mắm hoặc thịt nạc kho mặn theo tập quán cũ thì sẽ không đủ chất. Sản phụ chỉ nên tránh những món ăn có tính hàn như cua, rau đay; không nên ăn quá sớm những thức ăn tanh như cá, ốc. Tránh những thức ăn gây dị ứng, không ăn đá lạnh. Nên ăn mướp, thịt nạc, rau đậu, cà chua, chuối...

3. Giải pháp duy trì, phát huy giá trị văn hóa trong tập quán sinh đẻ

Bổ sung hoặc điều chỉnh một số nội dung cụ thể trong chính sách văn hóa phù hợp với thực tế của tổ dân phố và phường nhằm thực hiện tốt hơn nữa chính sách bảo tồn, duy trì tập quán, nghi lễ trong sinh đẻ và nuôi dạy, giáo dục con trẻ. Đồng thời huy động sự tham gia của nhân dân, đặc biệt là nữ giới trẻ đang sinh sống ở những tổ dân phố trên địa bàn phường vào hoạt động này.

Đảng và chính quyền địa phương cần tạo mọi điều kiện cho người dân, nhất là thế hệ trẻ ở tổ dân phố Nhân Mỹ làm chủ được các giá trị văn hóa truyền thống và có ý thức duy trì, phát huy, làm giàu, phát triển những giá trị văn hóa này trong đời sống xã hội hiện nay.

Người dân ở tổ dân phố Nhân Mỹ cần có nhận thức đúng đắn, sâu sắc về những giá trị văn hóa trong tập quán và nghi lễ sinh đẻ cũng như

trách nhiệm bảo tồn, phát triển những nghi lễ này trong đời sống văn hóa của cộng đồng.

Xây dựng kế hoạch *bảo tồn và phát huy những giá trị tri thức, văn hóa trong sinh đẻ của người Việt ở tổ dân phố Nhân Mỹ* với những nội dung cụ thể:

Khảo sát, thu thập tài liệu về tập quán và nghi lễ trong sinh đẻ của người dân đang sinh sống trên địa bàn; giáo dục về tầm quan trọng của văn hóa truyền thống, tri thức, kinh nghiệm sinh đẻ tới giới trẻ, đặc biệt là nữ giới đang ở độ tuổi sinh sản, tổ chức các cuộc tuyên truyền cổ động tới từng hộ gia đình, hội thi hội diễn về chủ đề nếp sống gia đình, sinh đẻ khoa học, an toàn và kế hoạch hóa gia đình.

Phê phán những tập quán, nghi lễ quá phức tạp, thời gian tổ chức quá dài, tốn kém, không khoa học... Tổ chức thực hiện và quản lý cung cấp dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình; triển khai có hiệu quả các hoạt động truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi về dân số và kế hoạch hóa gia đình với nội dung, hình thức và cách tiếp cận phù hợp, thích ứng với từng nhóm đối tượng ở địa phương, nhằm nâng cao nhận thức và thực hành về dân số sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình cho các nhóm dân số; thay đổi thông điệp từ *mỗi cặp vợ chồng nên có 1 đến 2 con* thành *mỗi cặp vợ chồng nên sinh 2 con* và vận động người dân ở tổ dân phố Nhân Mỹ sinh con có trách nhiệm phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện tại của gia đình và điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

Xưa kia, tập quán, nghi lễ trong sinh đẻ được quan tâm, thực hiện rất nghiêm khắc, bài bản. Sự thay đổi tập quán, nghi lễ trong sinh đẻ ngày càng diễn ra mạnh mẽ dưới sự chuyển đổi của nền kinh tế, quan niệm sống, cơ hội tiếp xúc và giao lưu giữa các vùng miền... Ngày nay, việc sinh đẻ của người Việt ở tổ dân phố Nhân Mỹ, phường Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội tuy tập quán, nghi lễ có đơn giản hơn nhưng vẫn giữ được những nét kinh nghiệm, tri thức sinh đẻ truyền thống. Tuy nhiên, dù tuân theo nghi lễ

(xem tiếp trang 68)

điều không chỉ là một hệ thống âm thanh, nhưng cũng chưa hẳn là *điệu thức*... điều này phù hợp với thực tiễn âm nhạc Huế. *Điệu* ở đây không hoàn toàn đồng nghĩa với *điệu thức* (mode), vì vậy, nó không hề liên quan đến khái niệm *trường* (majeur), *thứ* (mineur) trong âm nhạc cổ điển phương Tây, gắn bó chặt chẽ với cả một hệ thống lý thuyết thực hành như gam di chuyển, gam đồng chuyển và cả lý thuyết về hòa âm, hợp âm, giọng... *Điệu* trong âm nhạc Huế chỉ mang ý nghĩa tính chất, gắn với tính chất của bài bản, làn điệu cụ thể. Đó là tính chất vui và buồn...

Nói như thế, để chứng tỏ phần nào sự khác biệt giữa *điệu thức* trong âm nhạc phương Tây với *điệu* trong âm nhạc Huế (hay của âm nhạc Việt Nam nói chung). Bởi đây là phạm trù phức tạp, liên quan đến tập quán, tâm lý của dân tộc, hay nói rộng ra là sự dị biệt về văn hóa Đông và Tây. Đánh rằng, tín hiệu âm thanh tác động vào con người bằng mẫu số chung (trên phương diện vật lý) nhưng âm thanh khi đã trở thành âm nhạc, thành nghệ thuật thì đã mang tính văn hóa và phụ thuộc vào nền tảng văn hóa cụ thể của

từng vùng, quốc gia, dân tộc. Vì thế, lấy cái mẫu mực, công thức của một lý thuyết âm nhạc của một nền văn hóa này (phương Tây) để xem xét, giải mã âm nhạc thuộc nền văn hóa khác (phương Đông) thường dẫn đến sự khiên cưỡng, ít chính xác, làm mất đi tính bản sắc với cá tính riêng của từng loại hơi nhạc trong âm nhạc cổ truyền Việt Nam nói chung và âm nhạc Huế nói riêng ■

N.T.V.H

1. Vinh Phúc, *Bài giảng môn Âm nhạc dân tộc học*, Học viện Âm nhạc Huế, 2014.
2. Tính chất *đúng* tạm hiểu theo hệ thống thang âm bình quân. Thực chất đây là quãng 5 đúng tự nhiên, lớn hơn quãng 5 đúng bình quân 1,955 cent.
3. Các quãng trung tính chúng tôi tạm thời ký hiệu bằng số 0: q2⁰, q3⁰, q4⁰
4. Vũ Nhật Thăng, Tạp chí *Nghiên cứu Nghệ thuật* số 3-1987.
5. Từ của Phạm Đình Hồ trong *Vũ trung tùy bút* (Trần Văn Khê dịch qua tiếng Pháp: 5 Degres et 7 sons).
6. Chúng tôi gọi *thang âm đều* là nói đến sự đều đặn của thang âm bình quân (đã chú thích) khác với khái niệm thang âm 7 bậc chia đều.

TẬP QUÁN VÀ NGHI LỄ...

(tiếp theo trang 64)

xưa hay nay thì người Việt ở tổ dân phố Nhân Mỹ đều rất coi trọng việc sinh đẻ và nuôi dạy con trẻ. Ngày nay, nhờ có hệ thống nhà trẻ, bệnh viện của Nhà nước và tư nhân với đầy đủ loại hình, cùng với sự phát triển đồng bộ của ngành y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình nên việc sinh đẻ và nuôi dạy con trẻ đã thuận lợi hơn nhiều ■

L.T.H.H

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Viết Chức (chủ biên), *Nếp sống người Hà Nội*, Viện Văn hóa và Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2014.
2. Ngô Văn Giá (chủ biên), *Những biến đổi về giá trị văn hóa truyền thống ở các làng ven đô Hà Nội trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007.
3. Lê Văn Kỳ (chủ biên), *Tìm hiểu lễ thức vòng đời người Hà Nội*, Nxb Thời đại, Hà Nội, 2013.
4. Bùi Xuân Mỹ, Bùi Thiết, Phạm Minh Thảo, *Từ điển lễ tục Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1996.
5. Trần Đức Ngón (chủ biên), *Văn hóa truyền thống ngoại thành Hà Nội*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2005.
6. Nguyễn Đình Tuấn, *Biến đổi văn hóa trong cộng đồng dân cư vùng đô thị hóa (Nghiên cứu trường hợp tại phường Định Công và xã Minh Khai, Hà Nội)*, luận án Tiến sĩ Nhân học, Học viện KHXH, Hà Nội, 2013.
7. Lê Trung Vũ, *Nghi lễ đời người*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2000.
8. Trần Thị Hồng Yến, *Những biến đổi về xã hội và văn hóa ở những làng quê chuyển từ xã thành phường tại Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ Nhân học văn hóa, Học viện KHXH, Hà Nội, 2011.